

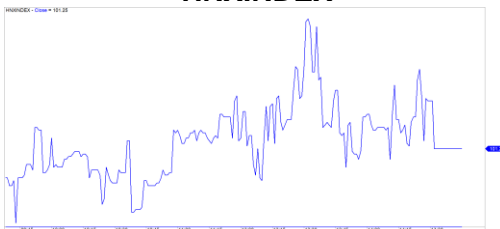
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	960.15	101.25	55.18
% ngày	1.18%	0.92%	0.29%
% tuần	-0.67%	-1.69%	-2.59%
% tháng	-0.61%	-1.08%	-1.09%
% năm	7.04%	-0.86%	4.09%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	2,841	304	225
TB 1 tuần	3,345	319	231
TB 1 tháng	4,049	385	222
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	642.37	2.33	6.27
Bán	495.76	8.54	7.82
Giá trị ròng	146.61	-6.22	-1.55
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	197	83	164
Mã Giảm	106	42	90
Không Đổi	87	246	649
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.52	8.86	16.55
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,250	188	911
LS Cổ tức	2.34%	4.66%	4.22%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên đảo chiều tăng cần thiết sau phiên xuyên thủng ngưỡng 950 điểm trong phiên liền trước. Chỉ số đóng cửa tăng 1.18% dừng tại 960.15 điểm gần mức cao nhất trong ngày. Tương tự, chỉ số HNX-Index tăng 0.92% neo tại 101.25 điểm, Upcom-Index chỉ tăng nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức 2,620 tỷ đồng.

Nhóm Ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt đà tăng với nhiều mã có mức tăng khá mạnh. Cụ thể, BID(+5.4%) đóng cửa tại 49,650 đồng/cp với khối lượng giao dịch cải thiện đạt gần 1.6 triệu cp khớp lệnh. CTG tăng 3.7% với hơn 8.5 triệu cp và đồ thị giá đang hướng lên vùng cản ngắn hạn quanh 24,000 đồng/cp. VPB(+3.2%), HDB(+3%), VCB(+2%), MBB(+1.7%), TCB(+1.3%) cũng có mức tăng đáng kể. Động lực tăng mạnh còn đến từ nhóm bluechip có thể kể tên như NVL(+3%), HPG(+2.3%), MSN(+1.8%), SAB(+1.7%), VHM(+1%) và đặc biệt VRE khi tăng +4% mở ra kịch bản kiểm định lại vùng kháng cự quanh 37,000-38,000 đồng/cp trên cổ phiếu này. Đà tăng có sự lan tỏa khi VN-Index có 224 mã tăng và 113 mã giảm.. Nhiều mã Mid-Cap cũng tăng khá mạnh như NKG(+6.7%), CII(+5%), DRC(+3.7%), HBC(+3.7%), DXG(+1.9%)...

Khối ngoại có cái nhìn tích cực về thị trường khi mua ròng với giá trị 138.8 tỷ đồng. PNJ(80.6 tỷ), CTG(21.2 tỷ) dẫn đầu danh sách mua ròng. Ở chiều ngược lại, VCB(22.4 tỷ), KBC(11.2 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động quanh mức 960 điểm của chỉ số VN-Index. Mức hồi phục vẫn kèm thanh khoản thấp cho thấy dòng tiền ngắn hạn vẫn chưa sẵn sàng quay trở lại thị trường, điểm tích cực là rủi ro ngắn hạn có dấu hiệu giảm dần cho thấy đà giảm ngắn hạn đã có dấu hiệu suy yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy cơ hội giải ngân mới vẫn còn thấp và tâm lý nhà đầu tư vẫn còn bi quan với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 965.80 điểm của chỉ số VN-Index và 103.02 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục cơ cấu lại danh mục trong các nhịp hồi phục để hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị, nhưng cần hạn chế bán ra ở các nhịp giảm.

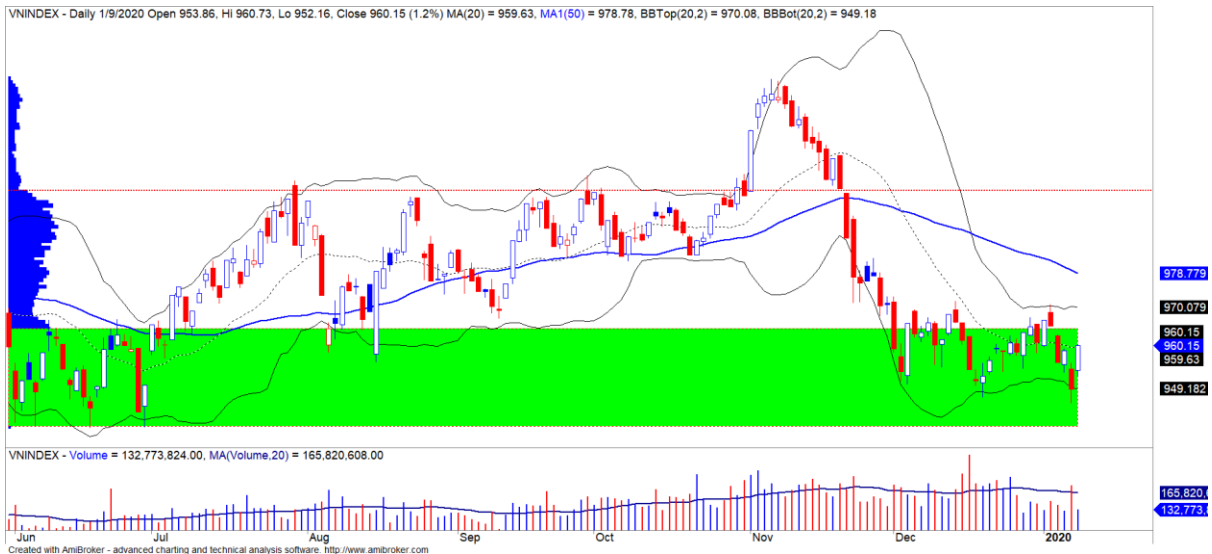
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.05	GIẢM	GIẢM		12.86				14.43		
ACB	22.40	GIẢM	GIẢM		22.92			24.00	22.57	-5.95%	
ACV	73.20	GIẢM	GIẢM		76.50				78.74		
ANV	22.10	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.07%			24.61		
ASM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.89				7.24		
BFC	11.35	GIẢM	GIẢM		12.14				13.57		
BID	49.65	TĂNG	TĂNG	41.90	44.99	18.50%		33.40	40.49	48.65%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				51.02		
BSR	7.90	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	65.10	GIẢM	GIẢM		69.37				73.44		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.42				24.77		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.43				9.80		
CII	22.90	GIẢM	GIẢM		24.27				24.76		
CMG	35.00	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	50.86%	
CMX	12.65	GIẢM	GIẢM		15.04				20.03		
CSM	14.40	TĂNG	GIẢM	14.30	13.56	0.70%			14.87		
CTD	50.20	GIẢM	GIẢM		54.64				66.51		
CTG	22.45	TĂNG	TĂNG	20.60	20.76	8.98%			21.78		
CTR	40.00	GIẢM	N/A		42.57			-	N/A		
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.74		
DCM	5.96	GIẢM	GIẢM		6.30				7.12		
DGC	24.00	GIẢM	GIẢM		25.24				28.84		
DGW	22.85	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	-1.72%			24.94		
DHA	31.80	TĂNG	GIẢM	31.85	28.74	-0.16%			32.52		
DHC	36.50	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-3.18%	
DHG	89.00	GIẢM	GIẢM		90.90				98.80		
DIG	13.15	GIẢM	GIẢM		13.91				14.69		
DPG	37.40	GIẢM	GIẢM		39.70				48.35		
DPM	13.00	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DPR	40.30	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-0.49%		41.30	35.60	-2.42%	
DQC	15.90	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-1.85%			17.29		
DRC	25.20	TĂNG	TĂNG	24.10	23.51	4.56%		21.60	21.25	16.67%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.35				16.12		
EIB	17.45	TĂNG	TĂNG	17.80	16.32	-1.97%		18.40	16.46	-5.16%	
FCN	9.90	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create **Fortune**

FMC	25.80	GIẢM	TĂNG		26.74			31.60	24.76	-18.35%	
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		46.00	54.99	25.22%	
GAS	95.20	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.66%			104.62		
GEX	19.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-4.15%			21.00		
GIL	16.70	GIẢM	GIẢM		17.71				19.38		
GMD	21.70	GIẢM	GIẢM		22.32				25.29		
GTN	18.50	GIẢM	GIẢM		19.99				23.85		
GVR	11.00	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-5.98%			N/A		
HAG	4.10	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	6.22%			4.22		
HAX	14.65	GIẢM	GIẢM		15.78				20.14		
HBC	11.35	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	6.07%			12.34		
HCM	20.75	GIẢM	GIẢM		21.67				23.78		
HDB	27.50	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	-0.18%			29.24		
HDC	23.05	GIẢM	TĂNG		24.97			15.25	21.08	51.15%	
HDG	30.05	GIẢM	GIẢM		31.13				34.05		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	0.00%		23.85	22.11	0.63%	
HSG	8.09	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	4.39%	
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.02			16.90	13.91	-14.79%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71		
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		34.19				36.93		
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.66%		15.35	14.00	0.00%	
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.57			24.00	24.98	6.67%	
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		17.05				19.42		
LCG	7.64	GIẢM	GIẢM		8.03				8.76		
LDG	7.93	GIẢM	GIẢM		8.74				10.08		
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.38				16.89		
LPB	7.40	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	-2.63%			8.05		
MBB	21.05	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MPC	24.50	TĂNG	TĂNG	20.10	21.95	21.89%			23.55		
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.52	-0.87%			63.22		
MSR	14.90	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	3.47%			16.05		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%			122.49		
NDN	16.30	GIẢM	GIẢM		17.13			13.70	16.31	19.04%	
NKG	8.45	TĂNG	TĂNG	7.38	7.26	14.50%		7.11	6.07	18.85%	
NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.35			28.70	26.30	-8.36%	
NT2	19.80	GIẢM	GIẢM		20.51				23.29		
NTL	22.35	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	20.87	-7.64%	
NVL	55.60	GIẢM	GIẢM		57.66				60.29		



We Create Fortune

OIL	8.00	GIẢM	GIẢM		8.75			9.54		
PAC	24.90	GIẢM	GIẢM		25.55			27.41		
PC1	17.20	GIẢM	GIẢM		17.82			19.87		
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.21		29.00	25.19	-10.34%	
PHR	39.00	GIẢM	GIẢM		41.49			50.78		
PLX	56.20	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-1.58%		60.01		
PNJ	86.20	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	1.77%	77.07	78.71	11.84%	
POW	10.90	GIẢM	GIẢM		11.52			13.38		
PVT	15.90	GIẢM	GIẢM		16.83		18.30	16.28	-11.05%	
PPC	25.50	GIẢM	TĂNG		26.92		28.40	24.39	-10.21%	
PTB	68.00	GIẢM	GIẢM		70.54		64.00	68.51	7.04%	
PVB	17.80	GIẢM	GIẢM		18.85			20.57		
PVD	15.20	TĂNG	GIẢM	15.85	15.11	-4.10%		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.85	-0.93%		33.51		
PVS	18.50	TĂNG	GIẢM	17.80	18.17	3.93%		19.30		
PXS	5.71	TĂNG	TĂNG	5.78	5.40	-1.21%	6.20	4.88	-7.90%	
QNS	26.70	GIẢM	GIẢM		27.56		33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%	33.33	35.23	7.13%	
SAB	227.00	GIẢM	GIẢM		229.98			253.49		
SAM	8.90	TĂNG	TĂNG	8.15	8.62	9.20%	7.40	7.58	20.27%	
SCR	5.57	GIẢM	TĂNG		5.94		6.33	5.21	-12.01%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.40	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-3.53%	17.00	14.02	-3.53%	
SKG	12.00	GIẢM	TĂNG		12.85		12.30	10.97	-2.44%	
SSI	17.95	GIẢM	GIẢM		18.51			20.14		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.28			10.80		
TCB	23.05	GIẢM	GIẢM		23.62			24.80		
TCM	20.95	TĂNG	GIẢM	20.95	19.69	0.00%		21.83		
TDH	10.60	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	0.95%		11.10		
TLH	4.05	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.25%	4.48	3.94	-9.60%	
TNG	15.80	TĂNG	GIẢM	15.10	14.97	4.64%		16.69		
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		90.82		62.00	83.28	43.06%	
VCG	25.40	GIẢM	TĂNG		26.32		19.20	25.28	32.29%	
VCS	67.30	GIẢM	GIẢM		72.44			91.56		
VGC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.09%		19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%		8.95		
VHC	40.50	TĂNG	GIẢM	40.60	38.87	-0.25%		41.92		
VHM	83.30	GIẢM	GIẢM		86.02			92.59		
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62		17.70	16.56	-3.95%	

We Create Fortune

VIC	114.70	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.41%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	146.20	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	138.01	17.43%	
VND	14.25	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.06%			14.88		
VNG	19.15	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.75	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	3.75%			21.28		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.35%		41.30	39.68	2.42%	
VRC	11.00	GIẢM	GIẢM		13.74				25.85		
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.00%	
VSC	27.00	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	6.09%		27.00	23.49	0.00%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.40	GIẢM	GIẢM		22.92			24.00	22.57	-5.95%	
BID	49.65	TĂNG	TĂNG	41.90	44.99	18.50%		33.40	40.49	48.65%	
BSR	7.90	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	65.10	GIẢM	GIẢM		69.37				73.44		
CTG	22.45	TĂNG	TĂNG	20.60	20.76	8.98%			21.78		
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	1.05%		40.23	54.99	43.19%	
GAS	95.20	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.66%			104.62		
GEX	19.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-4.15%			21.00		
GVR	11.00	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-5.98%			N/A		
HDB	27.50	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	-0.18%			29.24		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.00	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	0.00%		23.85	22.11	0.63%	
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		34.19				36.93		
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.57			24.00	24.98	6.67%	
MBB	21.05	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.52	-0.87%			63.22		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%			122.49		
NVL	55.60	GIẢM	GIẢM		57.66				60.29		
OIL	8.00	GIẢM	GIẢM		8.75				9.54		
PLX	56.20	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-1.58%			60.01		
PNJ	86.20	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	1.77%		77.07	78.71	11.84%	
POW	10.90	GIẢM	GIẢM		11.52				13.38		

We Create Fortune

QNS	26.70	GIẢM	GIẢM		27.56			33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%		33.33	35.23	7.13%	
ROS	13.05	GIẢM	GIẢM		16.32				24.79		
SBT	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.09	0.54%		17.50	17.46	6.86%	
SSI	17.95	GIẢM	GIẢM		18.51				20.14		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.05	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TPB	21.10	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.28	43.06%	
VCG	25.40	GIẢM	TĂNG		26.32			18.44	25.28	37.74%	
VCS	67.30	GIẢM	GIẢM		72.44				91.56		
VEA	43.20	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-5.05%			59.45		
VGI	23.20	GIẢM	N/A		25.19				N/A		
VHM	83.30	GIẢM	GIẢM		86.02				92.59		
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG		17.62			15.00	16.56	13.30%	
VIC	114.70	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.41%	
VJC	146.20	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	138.01	17.43%	
VNM	118.60	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.75	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	3.75%			21.28		
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.00%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.05	GIẢM	GIẢM		12.86				14.43		
ANV	22.10	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.07%			24.61		
ASM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.89				7.24		
BMI	24.70	TĂNG	TĂNG	25.65	24.39	-3.70%		26.70	23.99	-7.49%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				51.02		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.42				24.77		
CEO	8.90	GIẢM	GIẢM		9.43				9.80		
CII	22.90	GIẢM	GIẢM		24.27				24.76		
CRE	24.75	TĂNG	TĂNG	24.20	24.13	2.27%		25.00	24.70	-1.00%	MUA
CTI	21.70	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-0.46%			23.07		
CTR	40.00	GIẢM	GIẢM		42.57				49.48		
D2D	67.90	GIẢM	GIẢM		72.41			83.10	73.17	-11.95%	
DBD	54.70	GIẢM	TĂNG		57.08			38.65	54.36	41.52%	

We Create Fortune

DCM	5.96	GIẢM	GIẢM		6.30			7.12		
DGW	22.85	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	-1.72%		24.94		
DHC	36.50	GIẢM	TĂNG		38.32		37.70	36.02	-3.18%	
DIG	13.15	GIẢM	GIẢM		13.91			14.69		
DPG	37.40	GIẢM	GIẢM		39.70			48.35		
DPM	13.00	GIẢM	GIẢM		13.00			14.36		
DRC	25.20	TĂNG	TĂNG	24.10	23.51	4.56%	21.60	21.25	16.67%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.35			16.12		
E1VFN30	14.60	TĂNG	GIẢM	14.76	14.42	-1.08%		15.42		
FCN	9.90	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FLC	4.31	GIẢM	TĂNG		4.75		4.63	4.02	-6.91%	
GEG	26.15	GIẢM	TĂNG		27.19		12.50	25.77	109.16%	
GMD	21.70	GIẢM	GIẢM		22.32			25.29		
GTN	18.50	GIẢM	GIẢM		19.99			23.85		
HAG	4.10	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	6.22%		4.22		
HBC	11.35	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	6.07%		12.34		
HCM	20.75	GIẢM	GIẢM		21.67			23.78		
HDC	23.05	GIẢM	TĂNG		24.97		15.25	21.08	51.15%	
HDG	30.05	GIẢM	GIẢM		31.13			34.05		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.00%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.09	GIẢM	TĂNG		8.30		7.75	7.30	4.39%	
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.02		16.90	13.91	-14.79%	
HTM	21.50	TĂNG	TĂNG	16.00	16.75	34.38%		18.47		
IBC	20.35	GIẢM	GIẢM		20.60			21.22		
IDI	5.02	GIẢM	GIẢM		5.25			5.89		
IJC	14.85	GIẢM	TĂNG		16.53		13.10	13.45	13.36%	
ITA	2.70	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-5.92%		3.09		
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.66%	14.85	14.00	3.39%	
KDC	19.00	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-2.56%	20.82	18.08	-8.72%	
KOS	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.48%	26.30	25.20	6.46%	
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		17.05			19.42		
LDG	7.93	GIẢM	GIẢM		8.74			10.08		
LPB	7.40	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	-2.63%		8.05		
MBG	15.80	GIẢM	GIẢM		22.69			39.37		
MBS	14.50	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-1.36%		15.75		
MPC	24.50	TĂNG	TĂNG	20.10	21.95	21.89%		23.55		
NBB	19.75	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	8.45	TĂNG	TĂNG	7.38	7.26	14.50%	7.11	6.07	18.85%	

We Create Fortune

NLG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.35			26.28	26.30	0.07%	
NT2	19.80	GIẢM	GIẢM		20.51				23.29		
NTL	22.35	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	20.87	-7.64%	
NVB	9.30	GIẢM	TĂNG		9.79			8.50	8.62	9.41%	
OGC	3.55	GIẢM	GIẢM		3.67				4.01		
PC1	17.20	GIẢM	GIẢM		17.82				19.87		
PDR	26.00	GIẢM	TĂNG		26.21			23.59	25.19	10.19%	
PHR	39.00	GIẢM	GIẢM		41.49				50.78		
PPC	25.50	GIẢM	TĂNG		26.92			28.40	24.39	-10.21%	
PTB	68.00	GIẢM	GIẢM		70.54			60.78	68.51	12.71%	
PVD	15.20	TĂNG	GIẢM	15.85	15.11	-4.10%			16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.85	-0.93%			33.51		
PVS	18.50	TĂNG	GIẢM	17.80	18.17	3.93%			19.30		
PVT	15.90	GIẢM	GIẢM		16.83			17.31	16.28	-5.94%	
QCG	3.68	GIẢM	GIẢM		3.89				4.68		
SCR	5.57	GIẢM	TĂNG		5.94			6.33	5.21	-12.01%	
SGP	7.00	GIẢM	GIẢM		7.38				8.99		
SHB	6.50	TĂNG	GIẢM	6.40	6.19	1.56%			6.72		
SHS	7.40	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-11.90%	
SZC	16.70	GIẢM	GIẢM		18.63				19.60		
TCH	34.35	TĂNG	TĂNG	30.05	32.63	14.31%		26.15	26.28	31.36%	
TCM	20.95	TĂNG	GIẢM	20.95	19.69	0.00%			21.83		
TDH	10.60	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	0.95%			11.10		
TNG	15.80	TĂNG	GIẢM	15.10	14.97	4.64%			16.69		
TTB	3.90	GIẢM	GIẢM		4.44				7.60		
VGC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.09%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.50	TĂNG	GIẢM	40.60	38.87	-0.25%			41.92		
VND	14.25	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.06%			14.88		
VNG	19.15	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.30	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.35%		41.30	39.68	2.42%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.50	TĂNG	GIẢM	8.30	8.15	2.41%			8.97		
AGR	3.44	TĂNG	GIẢM	3.59	3.35	-4.18%			3.93		



We Create Fortune

AMD	1.95	GIẢM	GIẢM		2.34				2.98		
APG	9.70	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	10.73%		9.90	8.56	-2.02%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		2.86			2.30	2.12	4.35%	
BCG	6.69	GIẢM	GIẢM		7.14			6.39	7.47	16.89%	BÁN
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.90	GIẢM	GIẢM		8.49				15.84		
CCL	7.36	GIẢM	TĂNG	6.80	7.49	10.19%	BÁN	7.88	5.92	-6.60%	
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.74		
DAH	8.88	GIẢM	GIẢM		9.91				11.27		
DLG	2.36	TĂNG	TĂNG	1.80	2.08	31.11%		1.71	1.61	38.01%	
DRH	3.21	GIẢM	GIẢM		3.78				5.75		
DTD	10.70	GIẢM	GIẢM		11.05				12.54		
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				2.90		
FIT	8.86	GIẢM	GIẢM	4.49	9.43	109.99%	BÁN	3.64	8.91	144.80%	
FTM	1.93	GIẢM	GIẢM	2.21	1.97	-11.06%	BÁN		4.03		
FUES SV50	12.65	GIẢM	GIẢM		12.73				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.78	3.33%		14.90	14.22	4.03%	
HAH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.72				13.27		
HAI	2.88	GIẢM	GIẢM		3.44			1.88	3.16	68.18%	BÁN
HAR	3.21	GIẢM	GIẢM		3.83				5.48		
HDA	9.50	GIẢM	GIẢM		10.08				11.43		
HHP	12.10	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	-0.82%			13.13		
HHS	3.08	GIẢM	TĂNG		3.30			3.36	2.97	-8.33%	
HID	2.35	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-0.42%		2.63	2.16	-10.65%	
HII	9.22	GIẢM	GIẢM		9.66				10.98		
HQC	1.10	GIẢM	TĂNG		1.21			1.16	1.08	-5.17%	
HSL	7.52	GIẢM	GIẢM		7.74				8.77		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71		
HVG	8.60	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	9.97%		3.90	6.94	120.51%	
HVH	14.60	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-7.89%			19.76		
IDJ	6.90	TĂNG	TĂNG	6.90	6.44	0.00%	MUA	7.20	5.42	-4.17%	
JVC	3.48	GIẢM	GIẢM		3.68				4.33		
KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.82			1.50	1.33	0.00%	
LCG	7.64	GIẢM	GIẢM		8.03				8.76		
LGL	7.50	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86		
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.38				16.89		
LMH	5.55	GIẢM	GIẢM		7.04				13.37		
MST	5.30	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	55.88%	

We Create Fortune

NDN	16.30	GIẢM	GIẢM		17.13			13.10	16.31	24.46%	
PHC	11.00	TĂNG	GIẢM	11.30	10.75	-2.65%			11.99		
PLP	9.39	GIẢM	GIẢM		10.10				11.35		
PVB	17.80	GIẢM	GIẢM		18.85				20.57		
PVC	6.90	TĂNG	TĂNG	7.00	6.69	-1.43%		6.70	6.66	2.99%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.46		
PXL	8.10	TĂNG	TĂNG	8.40	7.88	-3.57%		6.70	6.64	20.90%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	56.11%	
SJF	1.90	GIẢM	GIẢM		2.19				2.71		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.10				2.60		
TDC	8.60	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-1.71%			9.04		
TIG	6.60	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	106.25%	
TLH	4.05	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.25%		4.48	3.94	-9.60%	
TNA	19.50	GIẢM	GIẢM		21.42				28.30		
TNI	10.20	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-6.42%	
TSC	2.80	GIẢM	GIẢM		3.15				3.45		
TTF	2.59	GIẢM	GIẢM		2.74				3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.00		
TVC	19.40	TĂNG	TĂNG	16.90	17.70	14.79%		14.30	15.80	35.66%	
VC3	17.30	TĂNG	TĂNG	17.00	16.06	1.76%		22.00	16.32	-21.36%	
VCR	10.80	GIẢM	GIẢM		12.24				17.11		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.37				4.40		
VNE	3.60	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	11.00	GIẢM	GIẢM		13.74				25.85		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	960.15	1.18%	HNI	101.25	0.92%	UPCoM	55.18	0.29%
VN30	877.76	1.45%	HN30	178.18	0.75%			
VN Mid	920.83	0.75%	VNX	842.19	1.23%			
VN Small	754.93	0.39%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	642.37		Mua	2.33		Mua	6.27	
Bán	495.76		Bán	8.54		Bán	7.82	
GT rỗng	146.61		GT rỗng	-6.22		GT rỗng	-1.55	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NKG	530	6.69%	DGC	900	3.90%	HTM	2800	14.97%
NTL	1250	5.92%	TVC	600	3.19%	MPC	900	3.81%
BID	2550	5.41%	TNG	400	2.60%	LPB	100	1.37%
CII	1100	5.05%	CEO	200	2.30%	VEA	500	1.17%
HAG	190	4.86%	NDN	300	1.88%	GVR	100	0.92%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	-660	-6.93%	PVS	-400	-2.12%	BSR	-300	-3.66%
ROS	-950	-6.79%	NTP	-600	-1.92%	OIL	-300	-3.61%
VRC	-800	-6.78%	AMV	-300	-1.25%	VAV	-1500	-3.36%
FRT	-700	-3.29%	PVI	-100	-0.31%	TID	-300	-1.62%
HDG	-950	-3.06%	HHC	0	0.00%	SIP	-1100	-1.25%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,965		ACB	37,106		ACV	158,810	
VCB	328,977		VCG	11,219		VEA	57,481	
VHM	274,017		VCS	10,768		MCH	49,833	
VNM	206,527		PVS	8,842		GVR	43,864	
BID	199,693		SHB	7,820		BCM	28,894	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
EIB	10,146,500	0	SHB	4,564,607	0	TID	4,000,000	0
DLG	9,677,500	1	PVS	2,812,511	0	BSR	2,652,190	0
CTG	8,592,300	0	NVB	2,668,100	0	HTM	1,458,563	0
ROS	7,482,760	0	ACB	1,422,258	0	VAV	599,800	0
FLC	5,811,070	0	TAR	995,510	0	VIB	559,354	0

Nguồn: Bloomberg & YSVN

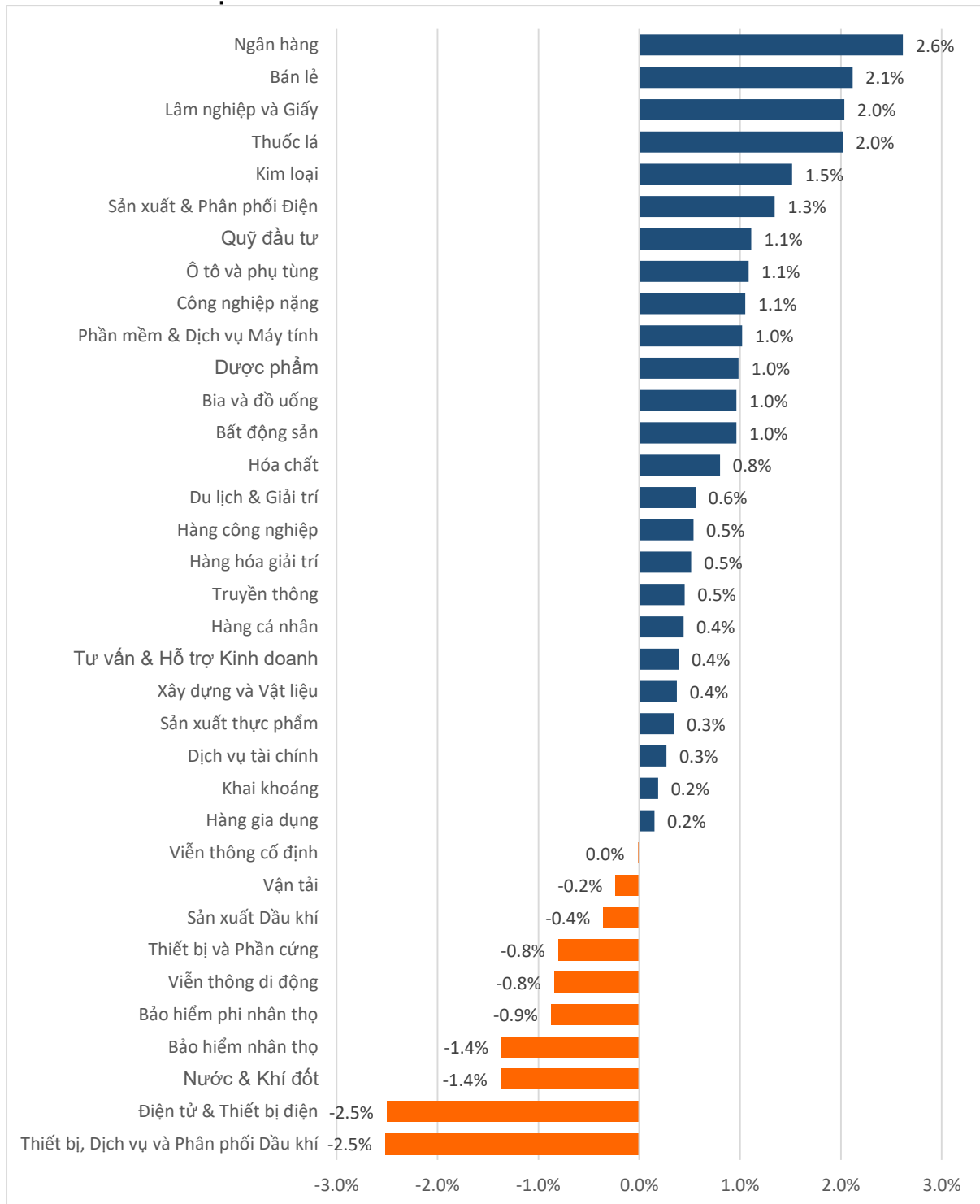
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



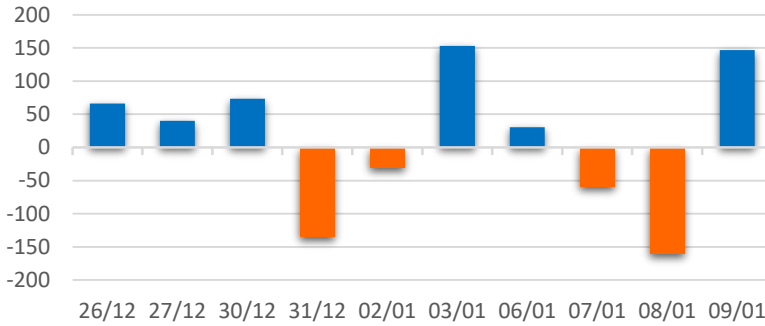
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

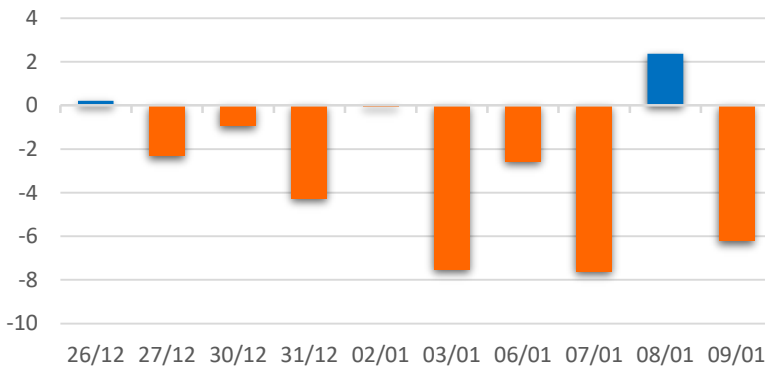
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>PNJ</b>	80,642	<b>VCB</b>	22,483
<b>CTG</b>	21,206	<b>KBC</b>	11,272
<b>VNM</b>	21,102	<b>VCI</b>	10,972
<b>BID</b>	20,895	<b>SSI</b>	8,050
<b>VRE</b>	20,413	<b>POW</b>	7,159

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

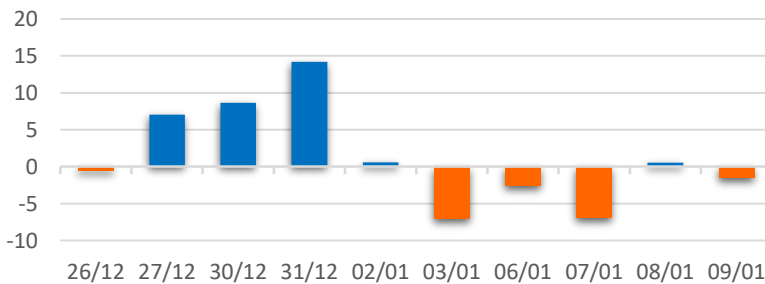
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>PVC</b>	814	<b>CEO</b>	3,604
<b>ART</b>	286	<b>NDN</b>	2,984
<b>VCS</b>	201	<b>INN</b>	504
<b>DP3</b>	133	<b>TIG</b>	231
<b>IVS</b>	71	<b>DGC</b>	201

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>ACV</b>	1,665	<b>BSR</b>	4,296
<b>VEA</b>	1,352	<b>MPC</b>	733
<b>QNS</b>	1,041	<b>NTC</b>	535
<b>BCM</b>	232	<b>HND</b>	527
<b>MCH</b>	72	<b>CTR</b>	44

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



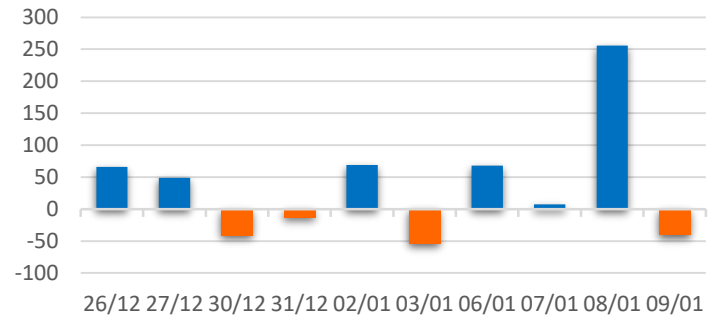
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

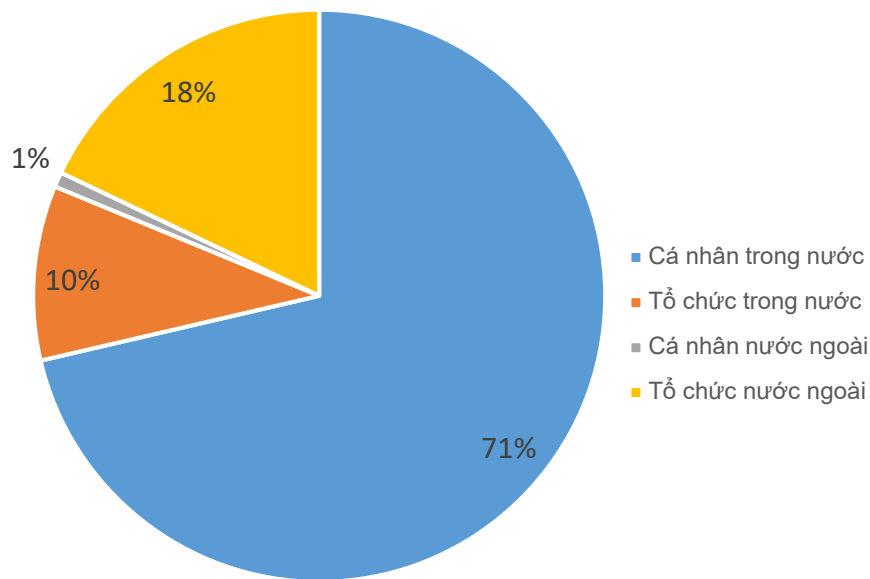
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	3,380	PNJ	15,710
MWG	3,002	MBB	12,647
TCB	2,770	FPT	9,444
FPT	2,387	HPG	9,088
PNJ	2,006	SAB	6,592

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

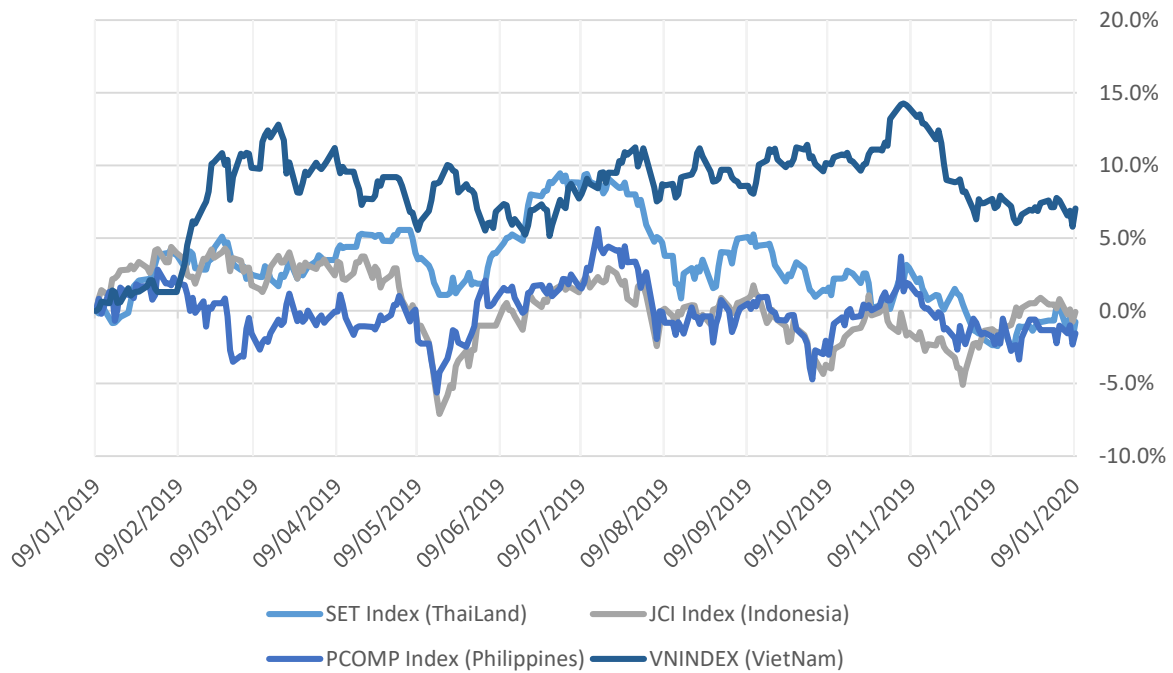


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

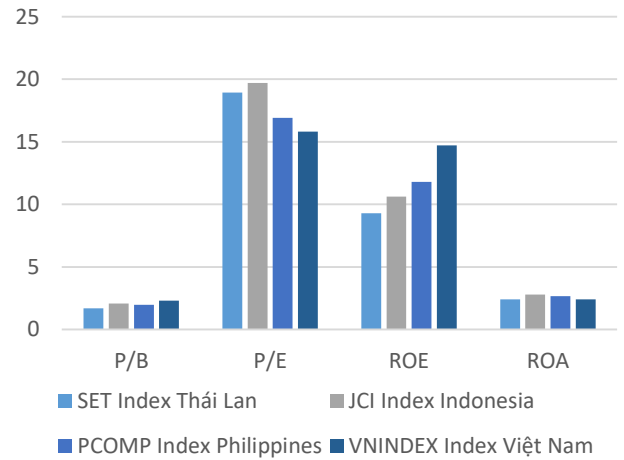
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.7x	16.9x	15.8x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	543.65	520.00	190.92	139.82
GTGD	Triệu USD	1.87	0.40	0.07	0.12
LS cổ tức	%	3.26	2.42	1.61	2.05

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written